

Bản án số: 37/2024/HS – PT

Ngày: 03/7/2024

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Ông Cao Việt Hoàng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2024/TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Văn N** và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2024/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. **Lê Văn N**, sinh năm 1962 tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT: **thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn N1**, sinh năm 1933 (đã mất) và bà **Hoàng Thị X**, sinh năm 1938 (đã mất); có vợ là bà **Hoàng Thị X1**, sinh năm 1963 và 02 con; con lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023, hiện tại ngoại. Có mặt.

2. **Lê Văn P**, sinh năm 1970 tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT: **thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: là Đảng viên **Đ1** (đã bị khai trừ khỏi Đảng); con ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1927 (đã mất) và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1925 (đã mất); gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 7; có vợ là bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977 và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 27/11/2023, hiện tại ngoại. Có mặt.

3. **Lê Văn T1**, sinh năm 1961 tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT: **thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: cán bộ hưu; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: là Đảng viên **Đ1** (đã bị khai trừ khỏi Đảng); con ông **Lê Văn P1**, sinh năm 1900 (đã mất) và bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1920 (đã mất); gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ 5; có vợ là bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1965 và 02 con, con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023, hiện tại ngoại bị cáo hiện tại ngoại. Có mặt.

4. **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1960 tại Bắc Ninh; nơi ĐKHKTT: **thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: là Đảng viên **Đ1** (đã bị khai trừ khỏi Đảng); con ông **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1927 (đã mất) và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1929 (đã mất); gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 2; có vợ là bà **Hoàng Thị T3**, sinh năm 1960 và 03 con, con lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023, hiện tại ngoại. Có mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo* **Lê Văn N**, bị cáo **Lê Văn P**: Luật sư **Phạm Quang Q1** – Luật sư thuộc **Công ty L2, đoàn luật sư thành phố H**; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* **Lê Văn T1**: Luật sư **Phạm Huỳnh C1** – Luật sư thuộc **Văn phòng L3, đoàn luật sư thành phố H**; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **UBND xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** do ông **Trần Thanh S** – Chủ tịch **UBND xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** là người đại diện theo pháp luật. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2014, **UBND xã Đ, thị xã Q** có triệu tập các Trưởng thôn, Bí thư chi bộ các thôn họp hội nghị triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn. Trong cuộc họp có đưa ra nội dung về nguồn kinh phí làm đường giao thông nông thôn, Nhà nước hỗ trợ 70% và giao cho địa phương tìm nguồn đối ứng 30%, **UBND xã Đ** giao cho thôn về chuẩn bị nguồn vốn đối ứng từ việc thu trong nhân dân. Thời điểm đó có **thôn V, xã Đ** được khảo sát làm đường giao thông nông thôn. Sau cuộc họp tại **UBND xã Đ, Lê Văn T1** là bí thư chi bộ **thôn V** đã tổ chức họp chi bộ để triển khai kế hoạch về việc đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn, có **Lê Văn N** trưởng thôn tham gia. Trong cuộc họp nhất trí làm đường giao thông theo kế hoạch của **UBND xã Đ** và bàn bạc nhất trí giao cho cấp uỷ- Ban quản lý **thôn V** lên phương

án cụ thể về việc tìm nguồn vốn đối ứng sau đó báo cáo lại trước Chi bộ và Hội nghị xã viên. Sau đó **Lê Văn N** có báo cáo phương án tìm nguồn cụ thể với chi bộ: Thanh lý các diện tích ao thúng đã hết hạn, từng khu vực, vị trí diện tích, thống nhất họp bàn đưa ra giao thầu đối với các diện tích các hộ đã san lấp và làm nhà tạm thì giao thầu lâu dài. Chi bộ thôn giao cho Trưởng thôn triển khai Hội nghị xã viên họp bàn và thống nhất cách thức tổ chức tìm nguồn cụ thể. Chi bộ chỉ định hướng còn giao cho Ban quản lý thôn trực tiếp triển khai và báo cáo lại kết quả. **Lê Văn N** đã tổ chức Hội nghị xã viên, bàn về nội dung tìm nguồn, **thôn V** vốn nghèo không thể tìm nguồn từ việc đóng góp của nhân dân, chỉ còn các diện tích đất ao thúng của thôn hết hạn hợp đồng giao thầu trước đó đã thanh lý và giao lâu dài cho các hộ trong thôn mới đủ tiền đối ứng để làm đường là 627.800.000đ. Sau khi xây dựng kế hoạch cụ thể các diện tích ao thúng đã hết hạn, thôn đã thống nhất bầu ra Ban Thanh lý gồm các ông Lãnh đạo trong thôn gồm: **Lê Văn N** - trưởng thôn; **Nguyễn Văn C** - Phó chủ nhiệm; **Lê Văn P** - Kế toán; **Nguyễn Thị Ngọc O**, sinh năm 1963, HKTT: **Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** - Thủ quỹ và một số người lớn tuổi đại diện các xóm tiến hành thống kê các diện tích ao thúng, bàn giá cả rồi thông qua chi bộ, họp dân thống nhất và giao cho **Lê Văn P** là kế toán thôn đi đánh máy soạn thảo các hợp đồng giao thầu đất tiến hành bán giao thầu lâu dài. Ban thanh lý cùng người mua đất đo đạc cắm mốc các diện tích và giao đất ngay sau khi các hộ đã nộp tiền cọc cho thủ quỹ thôn, sau khi các hộ nộp đủ số tiền trong hợp đồng, kế toán thôn là **Lê Văn P** tổng hợp số liệu báo cáo trưởng thôn **Lê Văn N**, các hộ nộp đủ tiền sẽ được giao hợp đồng. Đã tiến hành bán giao thầu lâu dài **04** thửa đất tổng diện **1.002m²** với tổng số tiền là **602.176.000 đồng**, cụ thể:

- Ngày 01/8/2015, giao thầu lâu dài cho ông **Lê Văn T4** - sinh năm 1978, HKTT: **Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** diện tích 161m² với số tiền 128.800.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 01/8/2015, giao thầu lâu dài cho ông **Lê Văn K** – sinh năm 1981, HKTT: **Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** diện tích 486m² với số tiền 204.120.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 01/8/2015, giao thầu lâu dài cho ông **Nguyễn Văn H1** - sinh năm 1975, HKTT: **Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** diện tích 279m² với số tiền 117.180.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 25/3/2017, giao thầu lâu dài cho bà **Nguyễn Thị Q2** – sinh năm 1977, HKTT: **Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** diện tích 76m² với số tiền 152.076.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

Sau khi thu được tiền thủ quỹ thôn là **Nguyễn Thị Ngọc O** đã giao cho trưởng thôn **Lê Văn N** số tiền 627.800.000đ (bao gồm số tiền 602.176.000 đồng,

cùng với tiền quỹ của thôn), sau đó N cùng thủ quỹ UBND xã Đ là Nguyễn Văn T5 – sinh năm 1962, HKTT: Thôn K, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh cầm tiền lên Kho bạc Nhà nước nộp tiền vào tài khoản của xã Đ để làm vốn đối ứng 30% xây dựng đường giao thông nông thôn với nội dung “thu tiền đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng địa phương thôn V” với số tiền 627.800.000đ.

Đến giai đoạn năm 2017- 2019, vẫn mục đích như trên để xây dựng Nhà văn hoá thôn V và để có vốn đối ứng, Chi bộ thôn V do Nguyễn Văn C là Bí thư chi bộ có tổ chức họp triển khai kế hoạch định hướng cho việc tìm nguồn đối ứng và cũng giao cho thôn xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện, thôn bàn bạc các diện tích có thể giao thầu chuyển sang giao thầu lâu dài để lấy tiền đối ứng, thì đưa ra được được 05 hộ, trên thực tế trước đó các hộ này cũng đã được giao diện tích này 20 năm, tuy nhiên thấy các diện tích này không sản xuất được nữa nên quyết định giao lâu dài cho các hộ sử dụng. Sau này nếu các hộ chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở thì các hộ tự làm đơn đề nghị các cấp có thẩm quyền. Sau đó Lê Văn N là Trưởng thôn Vệ Xá tiếp tục họp dân và tổ chức đấu thầu lâu dài cho 05 hộ diện tích ao thúng, tổ chức họp bàn, chi bộ thôn V cho chủ trương và giao cho Lê Văn P là kế toán thôn đi đánh máy soạn thảo các hợp đồng giao thầu đất tiến hành giao thầu đất lâu dài. Ban thanh lý cùng người mua đất đo đạc cắm mốc các diện tích và giao đất ngay sau khi các hộ đã nộp tiền cọc cho thủ quỹ thôn, sau khi các hộ nộp đủ số tiền trong hợp đồng, kế toán thôn là Lê Văn P tổng hợp số liệu báo cáo trưởng thôn Lê Văn N, thôn đã tiến hành giao thầu lâu dài 05 thửa đất với diện tích 2.941,1m² với tổng số tiền thôn thu là 571.830.000 đồng; cụ thể:

- Ngày 06/11/2018 giao thầu lâu dài cho bà Chu Thị Tú H2 - sinh năm 1973, HKTT: Số nhà F, ngõ A, phường X, quận B, TP Hà Nội diện tích 1.134m² với số tiền 220.488.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 13/11/2018, giao thầu lâu dài cho ông Hoàng Văn D - sinh năm 1971, HKTT: Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh diện tích 565,3m² với số tiền 109.919.000 đồng(đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 20/11/ 2018, giao thầu lâu dài cho ông Lê Quang P2 – sinh năm 1963, HKTT: Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh diện tích 225m² với số tiền 43.749.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 10/7/2019, giao thầu lâu dài cho ông Lê Xuân G, sinh năm 1977, HKTT: C206, phường T, quận T, TP Hà Nội diện tích 191,3m² với số tiền 37.197.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

- Ngày 10/7/2019, giao thầu lâu dài cho bà Hoàng Thị L1 – sinh năm 1966, HKTT: Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh diện tích 825,5m² với số tiền 160.477.000 đồng (đã thu tiền và giao đất).

Sau khi thu được tiền thủ quỹ **thôn V** là **Lê Văn H3** – sinh năm 1959, HKTT: **Thôn V, xã Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** đã giao cho trưởng thôn **Lê Văn N** số tiền 600.000.000đ (bao gồm số tiền 571.830.000 đồng, cùng với tiền quỹ của thôn), sau đó **N** cùng thủ quỹ **UBND xã Đ** là **Nguyễn Văn T5** cầm tiền đến Kho bạc Nhà nước nộp tiền vào tài khoản của **xã Đ** để làm vốn đối ứng 30% xây dựng nhà văn hóa thôn với nội dung “*thu tiền đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng địa phương thôn V*” với số tiền 600.000.000đ.

Việc giao đất đấu thầu lâu dài 09 thửa đất trong hai giai đoạn từ năm 2014-2019 với tổng diện tích là **3.943,1m²** thu được số tiền là **1.174.006.000 đồng thôn V** nộp vào Ngân sách của **xã Đ** tại Kho bạc nhà nước để đối ứng 02 công trình Đường giao thông nông thôn và **Nhà Văn hóa thôn V**.

Điều tra, xác minh các hộ dân mua đất giao thầu thể hiện: Các hộ dân mua đất giao thầu được thông báo họp dân bàn về việc thanh lý hợp đồng ao, thúng đã hết hạn để tìm nguồn vốn đối ứng làm đường giao thông giai đoạn 2015 và làm Nhà Văn hóa thôn năm 2017, các cuộc họp đã thống nhất bán giao thầu lâu dài một số diện tích ao thúng cho các hộ sử dụng, trong các cuộc họp cũng đưa ra giá bán cụ thể. Nhận thức các của các hộ nhận giao thầu lâu dài đó là việc thôn bán cho các hộ mua và có toàn quyền sử dụng, các hộ do có nhu cầu mua sử dụng đất ở lâu dài nên đã mua.

Hiện tại gia đình ông **Lê Văn K** đã xây dựng nhà xưởng, gia đình ông **Lê Văn T4** và bà **Nguyễn Thị Q2** đã xây dựng nhà tầng kiên cố, 06 hộ còn lại đã đổ đất san lấp sử dụng làm ao vườn và trồng hoa màu.

* Nguồn gốc đất: Vị trí các thửa đất trên là đất có nguồn gốc là ao, thúng.

* Tại Công văn số 58/CV-TNMT ngày 14/3/2023 **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q** trả lời: “*Căn cứ vào bản đồ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 thì có 01 thửa đất số 28 tờ bản đồ số 16 được quy hoạch là đất nuôi trồng thủy sản; Về quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 -2015 có 02 thửa đất được quy hoạch đất ở gồm thửa 121 và 237 thuộc tờ bản đồ số 17, 02 thửa đất được quy hoạch là đất nuôi trồng thủy sản gồm thửa 120 tờ bản đồ số 18 và thửa số 05 tờ bản đồ số 23.*”

* Tại Công văn số 84/CV-TNMT ngày 05/4/2023, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q** trả lời “*Các thửa đất không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được quy định tại Khoản 5, Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP: Nhà nước không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và thu hồi toàn bộ diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014*”.

Quá trình điều tra xác định, việc giao bán đất trái thẩm quyền trên của cán bộ **thôn V** gây thiệt hại cho người dân theo số tiền trên phiếu thu và giấy biên nhận tiền với số tiền: **1.174.006.000 đồng**.

* Tại công văn số 44/CV-TCKH ngày 08/5/2023 của **Phòng Tài chính và Kế hoạch thị xã Q** xác định:

“ - Công trình đường giao thông nông thôn **thôn V: Thôn V** nộp đối ứng vào ngân sách **xã Đ** 627.800.000đ. Sau khi quyết toán công trình, kinh phí thanh toán ngân sách xã là 206.000.000đ.

- Công trình **Nhà văn hóa thôn V**: 600.000.000đ. Sau khi quyết toán công trình, kinh phí thanh toán ngân sách xã là 450.000.000đ”.

Số tiền **thôn V** đã nộp đối ứng vào Ngân sách của **UBND xã Đ** để đối ứng chưa sử dụng hết, **UBND xã Đ** đã sử dụng chi vào các công trình khác của thôn theo Luật ngân sách Nhà nước. Hiện nay xã và thôn đều không có nguồn tiền để bù vào vốn đối ứng của làm công trình nhà văn hóa và đường **thôn V do thôn V** đã giao thầu đất giai đoạn năm 2014 -2019.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2024/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P**, **Lê Văn T1** và **Nguyễn Văn C** phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Lê Văn N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Lê Văn P** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 27/11/2023.

Áp dụng khoản điểm c, khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Lê Văn T1** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023.

Áp dụng khoản điểm c, khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Nguyễn Văn C** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt

thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/3 và 27/3/2024, các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P**, **Lê Văn T1** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 28/3/2024 bị cáo **Nguyễn Văn C** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **N**, **P**, **T1** và **C** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi các bị cáo thực hiện như bản án sơ thẩm đã nêu là đúng, tuy nhiên các bị cáo **N**, **P**, **T1** không thừa nhận tội danh “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” như bản án sơ thẩm đã quy kết, mà các bị cáo cho rằng mình chỉ phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại Điều 229 Bộ luật hình sự 2015; bởi các bị cáo đã thực hiện theo Nghị quyết của chi bộ Đảng **thôn V** và Nghị quyết hội nghị xã viên **thôn V**, để ký lại hợp đồng giao thầu đất thung, gò ao để lấy tiền nộp toàn bộ vào kho bạc Nhà nước phục vụ làm đường nông thôn và nhà văn hóa **thôn V**, **xã Đ**. Các bị cáo không tư lợi cá nhân mà đều làm việc vì lợi ích công, lợi ích chung của toàn bộ thôn, vì nhân dân **thôn V**, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và các tình tiết khác trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P**, **Lê Văn T1** và **Nguyễn Văn C**, giữ nguyên bản án sơ thẩm

* Luật sư **Phạm Quang Q1** bào chữa cho các bị cáo **Lê Văn P** và **Lê Văn N** trình bày quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên các bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điều 356 BLHS là chưa thỏa đáng và khách quan cũng như chưa tương xứng với hành vi vi phạm của các bị cáo. Vì các bị cáo thực hiện hành vi giao thầu đất lâu dài là thực hiện theo yêu cầu của Hội nghị xã viên, văn bản hợp đồng giao thầu chỉ ghi là thầu đất gò, ao mà không có từ nào ghi là bán đất nên đây chỉ là giao thầu đất lâu dài. Ngoài ra, việc xác định thiệt hại trong vụ án là không đúng, các bị hại đến nay vẫn đang quản lý sử dụng đất nên không bị thiệt hại. Hơn nữa hiện nay theo quy định của Luật đất đai 2024 thì chính sách đất đai cũng có thay đổi những trường hợp giao đất, cho thuê đất...trái thẩm quyền sau 2014 đến nay vẫn có thể được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong vụ án này các bị cáo không có vụ lợi cá nhân, không vì lợi ích cục bộ địa phương hay

nhằm nâng cao uy tín cá nhân như án sơ thẩm đã quy kết, bản án sơ thẩm căn cứ vào nghị quyết số 03/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2020 để áp dụng vào hành vi vi phạm của các bị cáo được thực hiện từ năm 2014 là không phù hợp. Mặt khác khoản tiền thu chi thôn V nộp về UBND xã Đ chưa được làm rõ nên đề nghị HĐXX có kiến nghị xem xét vấn đề này.

Từ những phân tích trên luật sư Q1 đề nghị tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Lê Văn P không phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điều 356 BLHS.

Các bị cáo Lê Văn N và Lê Văn P nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Luật sư Phạm Huỳnh C1 bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1 trình bày quan điểm không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát kết luận bị cáo T1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điều 356 BLHS. Luật sư cho rằng các bị cáo có vi phạm pháp luật về đất đai do hành vi giao thầu đất lâu dài là trái thẩm quyền, tuy nhiên căn cứ vào cấu thành tội phạm theo Điều 356 BLHS thì không thỏa mãn về hành vi khách quan và yếu tố chủ quan vì các bị cáo không lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà đều bàn bạc tập thể, việc làm của các bị cáo chỉ nhằm mục đích phục vụ đảng, phục vụ nhân dân, hoàn toàn không có tư lợi cá nhân, hơn nữa về hậu quả trong vụ án này là không đáng kể và không rõ ràng. Do vậy, luật sư cho rằng hành vi của bị cáo T1 cũng như các bị cáo khác trong vụ án này chỉ vi phạm hành chính nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 359 BLTTHS hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Bị cáo Lê Văn T1 nhất trí với quan điểm bào chữa của luật sư và không bổ sung gì thêm.

Bị cáo Nguyễn Văn C có ý kiến cho rằng các bị cáo làm việc đều là vì nhân dân thôn V, thực hiện theo chủ trương chung, không có tư lợi cá nhân, không làm thất thoát tài sản nên đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đối đáp đã khẳng định: Căn cứ vào Luật phòng chống tham nhũng thì các bị cáo trong vụ án này đều là người có chức vụ, quyền hạn, Điều 59 Luật đất đai 2013 quy định Thôn không phải là chủ thể quản lý đất đai, các bị cáo không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.. nhưng các bị cáo đã giao thầu đất lâu dài là làm trái công vụ được giao.

Về vụ lợi, đại diện Viện kiểm sát khẳng định căn cứ vào Nghị quyết số 03 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao năm 2020 thì không chỉ có vụ lợi cá nhân mà có quy định cả vụ lợi tập thể. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi sai phạm vì lợi ích cho tập thể, cho nhân dân nên phải chịu trách

nhệm về các sai phạm của mình. Mặc dù các bị cáo có đưa ra hợp tập thể nhưng căn cứ vào chính sách hình sự thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm nếu sai phạm.

Về quan điểm của luật sư **Q1** cho rằng chính sách luật đất đai mới 2024 đã có thay đổi nên cần xem xét lại thiệt hại, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong vụ án này đang áp dụng Luật đất đai 2013 để xử lý nên không thể căn cứ Luật đất đai mới 2024 để xem xét xác định thiệt hại và hậu quả của vụ án.

Quá trình đối đáp các luật sư, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P**, **Lê Văn T1** và **Nguyễn Văn C** đều có kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên các bị cáo đều nhận thức cho rằng với hành vi đã khai nhận thì các bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” như bản án sơ thẩm đã xét xử mà hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo quy định tại Điều 229 Bộ Luật hình sự 2015. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Để có nguồn vốn đối ứng làm đường giao thông nông thôn, từ năm 2014 đến năm 2017 **Lê Văn N** làm trưởng thôn **V**, xã **Đ**, thị xã **Q**, tỉnh **Bắc Ninh**; **Lê Văn T1** làm Bí thư Chi bộ, **Lê Văn P** làm kế toán **thôn V** đã có hành vi tổ chức họp chi uỷ, Chi bộ, họp dân, thống nhất phương án để giao thầu lâu dài 04 thửa đất với tổng diện tích 1.002m² trái quy định, gây thiệt hại cho người dân số tiền là 602.176.000 đồng. Từ năm 2017 đến năm 2019, để có nguồn vốn đối ứng làm nhà văn hóa **thôn V**, xã **Đ** làm trưởng thôn **V**, **Nguyễn Văn C** làm Bí thư Chi bộ, **Lê Văn P** làm kế toán **thôn V** đã có hành vi tổ chức họp chi uỷ, Chi bộ, họp dân, thống nhất phương án để giao thầu lâu dài 05 thửa đất với tổng diện 2.941,1m² trái quy định, gây thiệt hại cho người dân số tiền là 571.830.000 đồng. Các diện tích đất trên đều là đất ao, thung, xen kẹt. Theo Công văn số 84/CV-TNMT ngày 05/4/2023 của phòng Tài nguyên và môi trường **huyện Q** thì các thửa đất trên

đều không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Như vậy các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P** đã gây thiệt hại cho người dân trong cả hai giai đoạn là 1.174.006.000 đồng; **Lê Văn T1** gây thiệt hại cho người dân là 602.176.000 đồng; **Nguyễn Văn C** gây thiệt hại cho người dân là 571.830.000 đồng.

Về mặt chủ thể, theo quy định tại Khoản 2 Điều 352 BLHS; Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao; điểm a khoản 2 Điều 3 Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 thì các bị cáo là Chủ tịch UBND, Bí thư Đảng ủy cấp xã; Trưởng thôn, khu dân cư; Bí thư chi bộ thôn, khu dân cư đều được nhân dân tín nhiệm bầu ra, được cấp trên phê chuẩn và được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp nên được coi là người có chức vụ, quyền hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong vụ án này các bị cáo ở **thôn V** với vai trò là Bí thư chi bộ, trưởng thôn, kế toán thôn đều là người có chức vụ, quyền hạn thông qua hình thức bầu cử hoặc bổ nhiệm được cấp trên phê chuẩn, có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ được phân công và đều được hưởng phụ cấp hàng tháng. Như vậy là hoàn toàn thỏa mãn về chủ thể tội phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 352 của Bộ luật hình sự.

Thông tư số 14/2012/TT- BNV ngày 31/3/2012 của **Bộ N2** “hướng dẫn về hoạt động của thôn, tổ dân phố” được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số: 14/2018/TT- BNV ngày 03/12/2018 của **Bộ N2** đã quy định rõ về hoạt động của thôn, tổ dân phố. Tuy nhiên, các bị cáo đã không thực hiện đúng về chức năng, nhiệm vụ được giao, vi phạm về “Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất” của cơ quan chức năng được quy định tại Điều 59 Luật đất đai. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận bản thân không có thẩm quyền quản lý đất đai, không có quyền giao đất, cho thuê đất và việc giao, cho thuê đất lâu dài là vi phạm pháp luật đất đai.

Xét hành vi giao thầu đất lâu dài không có thời hạn, có giá đất cao hơn với giá đất ở trên địa bàn được công bố tại Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2010, thu tiền sau đó tiến hành cấm mốc giao đất cho bị hại. Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận quá trình điều tra đều không bị ép cung hay bị xúi giục, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra đều khách quan. Tại cơ quan điều tra các bị cáo, bị hại đều thừa nhận khi tổ chức họp dân thì các bên đều hiểu là mua bán đất, bản thân các bị cáo cũng thừa nhận phải bán đất mới có đủ tiền nộp đối ứng, nếu cho thuê thì được ít tiền và có hộ sẽ không thuê sẽ không đủ tiền đối ứng và người ký hợp đồng thuê đất có toàn quyền quyết định đối với diện tích được giao và các bị hại đều đã được giao đất. Các bị cáo cũng

thừa nhận sau khi giao thầu đất lâu dài như vậy thì thôn không thể lấy lại được đất, do các bị cáo hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên dẫn đến việc vi phạm trên. Thực tế, sau khi được giao thầu đất thì gia đình ông **Lê Văn K** đã xây dựng nhà xưởng, gia đình ông **Lê Văn T4** và bà **Nguyễn Thị Q2** đã xây dựng nhà tầng kiên cố, 06 hộ còn lại đã đổ đất san lấp sử dụng làm ao vườn và trồng hoa màu và vẫn sử dụng từ khi được giao đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi trên của các bị cáo, mặc dù Hợp đồng ghi là giao thầu đất ao, thúng lâu dài nhưng bản chất chính là hành vi bán đất trái thẩm quyền.

Về mặt khách quan: Hành vi của các bị cáo là giao bán đất trái thẩm quyền vi phạm Điều 59 Luật đất đai quy định về “Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất”. Các bị cáo đã dựa vào việc mình là cán bộ thôn, khu dân cư để giao bán đất trái thẩm quyền để lấy kinh phí xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương như: đường giao thông, nhà văn hóa,... Tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định: “Vụ lợi” quy định tại khoản 1 các điều 356, 357 và 359 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng cho mình hoặc cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác”. Như vậy, các bị cáo mặc dù không có động cơ vụ lợi cho bản thân, nhưng lại có động cơ vụ lợi cho địa phương, các bị cáo **N, P, T1, C** đã bán đất trái phép trong khoảng thời gian từ năm 2014-2019 để lấy tiền phục vụ xây dựng các công trình công cộng tại địa phương (đường nông thôn **thôn V** và **Nhà văn hóa thôn V**), đây chính là động cơ vụ lợi vật chất không chính đáng đã thỏa mãn yếu tố bắt buộc là có động cơ “Vụ lợi” theo Điều 356 BLHS.

Về thiệt hại, căn cứ vào Công văn số 82/TANDTC-PC ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tối cao có nội dung hướng dẫn về xác định đối tượng thiệt hại trong vụ án hình sự vi phạm về đất đai và văn bản trả lời của cơ quan chuyên môn, thì Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định thiệt hại trong vụ án này là 09 cá nhân mua đất nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng số tiền 1.174.006.000 đồng. (Cụ thể: Ông **Lê Văn T4**: 128.800.000 đồng; ông **Lê Văn K**: 204.120.000 đồng; ông **Nguyễn Văn H1**: 117.180.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Q2**: 152.076.000 đồng; anh **Lê Xuân G**: 37.197.000 đồng; bà **Hoàng Thị L1**: 160.477.000 đồng; bà **Chu Thị Tú H2**: 220.488.000 đồng; ông **Hoàng Văn D**: 109.919.000 đồng; ông **Lê Quang P2**: 43.749.000 đồng). Bị cáo **Lê Văn N, Lê Văn P** đã gây thiệt hại cho người dân là 1.174.006.000 đồng; **Lê Văn T1** gây thiệt hại cho người dân là 602.176.000 đồng; **Nguyễn Văn C** gây thiệt hại cho người dân là 571.830.000 đồng.

Mặc dù hành vi của các bị cáo được thực hiện trước ngày 01/01/2018 theo quy định thì cần áp dụng khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét xử lý. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt chính của hai điều luật này là tương đương nhau. Vì vậy, để áp dụng thống nhất pháp luật, cần xét xử các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P** về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại Khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo **Lê Văn T1** và **Nguyễn Văn C** về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2024/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ đã xét xử các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P** phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356, các bị cáo **Lê Văn T1**, **Nguyễn Văn C** theo quy định tại khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, ý kiến của các luật sư và các bị cáo đề nghị thay đổi tội danh hoặc chỉ xử lý hành chính đối với các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo **N**, **P**, **T1** và Cử HĐXX xét thấy:

Đối với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của **N**, **P** và **T1**, các bị cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” mà các bị cáo phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” là không phù hợp. Bởi lẽ, tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” có chủ thể phải là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai. Theo quy định tại Điều 24 Luật đất đai 2013 thì **T6** không phải là cơ quan có chức năng quản lý đất đai tại địa phương, do vậy các bị cáo không phải là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương nên không thỏa mãn dấu hiệu về mặt chủ thể của tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo **C** và phần hình phạt của các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P** và **Lê Văn T1**, HĐXX xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý về đất đai; gây thiệt hại cho người dân, làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào các cơ quan quản lý Nhà nước. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn dẫn đến khiếu kiện kéo dài trong nội bộ quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng

pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể mà chỉ thống nhất ý chí để triển khai thực hiện phục vụ cho lợi ích cục bộ tại địa phương. Trong đó, cần xác định bị cáo **Lê Văn N** có vai trò cao nhất. Bản thân bị cáo là trưởng thôn nhiệm kỳ 2014-2017, và làm trưởng thôn từ năm 2017- 2019 cả hai nhiệm kỳ đều là người trực tiếp tham gia họp Chi uỷ, chi bộ và tổ chức họp hội nghị quân dân chính đảng để triển khai việc bán đất, trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận đăng ký nhận mua đất của người dân và cùng với các bị cáo còn lại đo đạc, bàn giao đất cho người mua đất. Bị cáo **P** làm kế toán **thôn V** từ năm 2014- 2019 đã tích cực giúp sức bị cáo **N** thực hiện việc bán đất cả hai giai đoạn, là người trực tiếp soạn thảo các Hợp đồng cho thuê đất lâu dài và cùng thực hiện việc tiếp nhận, đo đạc giao đất cho những người mua đất. Do vậy, bị cáo **P** phạm tội với vai trò thứ hai sau bị cáo **Lê Văn N**.

Đối với bị cáo bị cáo **T1** làm bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2014- 2017; bị cáo **C** làm bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2017-2019, có tổ chức họp chi uỷ và chi bộ để thống nhất việc bán đất trái phép nhưng không trực tiếp thực hiện, hai bị cáo mỗi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở một giai đoạn, thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thấp hơn các bị cáo khác nên có vai trò ngang nhau và thấp nhất trong vụ án.

Khi quyết định hình phạt, bản án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo **N, P, T1** như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không nặng.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo **N, P, T1** không cung cấp được thêm tình tiết nào mới để HĐXX xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo **N, P, T1**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với bị cáo **Nguyễn Văn C** HĐXX xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo tiếp tục thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, số tiền bị cáo gây thiệt hại là thấp nhất so với các bị cáo khác trong vụ án nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo nhưng không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo **Lê Văn P** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo **Lê Văn N, Lê Văn T1** đều trên 60 tuổi và bị cáo **Nguyễn Văn C** được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn P**, **Lê Văn T1**; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn C**, sửa quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo **C**.

*Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Lê Văn N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023.

*Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Lê Văn P** 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 27/11/2023.

*Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Lê Văn T1** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023.

*Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt **Nguyễn Văn C** 03 (ba) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 22/4/2023 đến ngày 22/6/2023.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định bắt tạm giam bị cáo **Lê Văn N**, bị cáo **Lê Văn P**, bị cáo **Lê Văn T1** và bị cáo **Nguyễn Văn C** mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

[2]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí: Bị cáo **Lê Văn P** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo **Lê Văn N**, **Lê Văn T1** và **Nguyễn Văn C** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND thị xã Quế Võ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa